

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2006/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước

THÔNG ĐỌC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15/6/2004;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 15/9/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân và Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày 26/5/2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các tổ chức tín dụng hợp tác,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành

lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 615/2003/QĐ-NHNN ngày 16/6/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân; việc mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân và việc thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Các tổ chức tín dụng hợp tác, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương và Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Trần Minh Tuấn

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2006/QĐ-NHNN ngày 06/6/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định:

- a) Việc cấp giấy phép thành lập và hoạt động (sau đây gọi tắt là giấy phép) đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương (sau đây gọi chung là Quỹ tín dụng nhân dân);
- b) Việc mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương; việc mở, chấm dứt hoạt động phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;
- c) Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;
- d) Việc thu hồi giấy phép và thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

2. Việc thu hồi giấy phép và thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương thực hiện theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước.

3. Việc mở, chấm dứt hoạt động của Phòng giao dịch, điểm giao dịch trực thuộc sở giao dịch và chi nhánh của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương do Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương quyết định.

Điều 2. Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sở giao dịch, chi nhánh của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương là đơn vị phụ thuộc, có con dấu, được thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ hoạt động ngân hàng theo sự ủy quyền của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương.

2. Văn phòng đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương là đơn vị phụ thuộc, có con dấu, thực hiện nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương. Văn phòng đại diện không được thực hiện hoạt động kinh doanh.

3. Phòng giao dịch, điểm giao dịch là đơn vị phụ thuộc của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, hạch toán báo sổ, không có bảng cân đối riêng, có con dấu để sử dụng trong giao dịch, chịu sự quản lý toàn diện và trực tiếp của Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở quy định.

4. Sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở là việc một hoặc một số Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được sáp nhập (sau đây gọi chung là Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được sáp nhập) vào một Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở khác (sau đây gọi chung là Quỹ tín dụng nhân dân sáp nhập) theo thỏa thuận giữa các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được sáp nhập sang Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở sáp nhập, đồng thời chấm dứt tư cách pháp nhân của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được sáp nhập.

5. Hợp nhất Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở là việc hai hay nhiều Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (sau đây gọi chung là Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được hợp nhất) có thể hợp nhất thành một Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở mới (sau đây gọi chung là Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở hợp nhất) theo thỏa thuận giữa các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được hợp nhất bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở hợp nhất, đồng thời chấm dứt tư cách pháp nhân của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được hợp nhất.

6. Chia Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở là một Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (sau đây gọi chung là Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị chia) có thể chia thành hai hay nhiều Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở mới (sau đây gọi chung là Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được chia) theo quy định của Điều lệ, quyết định của Đại hội thành viên và chấm dứt tư cách pháp nhân của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được chia; toàn

bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị chia được chuyển giao cho các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được chia.

7. Tách Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở là một Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có thể tách thành nhiều Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở mới theo quy định của Điều lệ và quyết định của Đại hội thành viên; đồng thời sau khi tách, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị tách và Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được tách thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình phù hợp với mục đích hoạt động ghi trong giấy phép.

Điều 3. Thẩm quyền cấp, thu hồi giấy phép, chấp thuận việc mở, chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân và việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ra quyết định cấp giấy phép đối với Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương; chấp thuận việc mở, chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương.

2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định cấp, thu hồi giấy phép và chấp thuận việc mở, chấm dứt hoạt động phòng giao dịch, điểm giao dịch và việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở trên địa bàn.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 4. Điều kiện để được cấp giấy phép

1. Có nhu cầu hoạt động ngân hàng trên địa bàn xin hoạt động; được sự chấp thuận của chính quyền địa phương về việc thành lập Quỹ tín dụng nhân dân; đối với Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương phải xuất phát từ yêu cầu của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

2. Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ.

3. Thành viên sáng lập là tổ chức, cá nhân có uy tín, có vốn góp tối thiểu bằng 5% vốn pháp định nhưng không vượt quá mức góp vốn tối đa của một thành viên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

4. Người quản trị, điều hành có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có đủ tiêu chuẩn về đạo đức, trình độ chuyên môn và các tiêu chuẩn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Có Điều lệ tổ chức và hoạt động phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã và các quy định của pháp luật có liên quan.

6. Có phương án hoạt động khả thi.

Điều 5. Hồ sơ xin cấp giấy phép

1. Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động (Mẫu số 1 đính kèm).

2. Biên bản Hội nghị thành lập Quỹ tín dụng nhân dân.

3. Dự thảo Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân đã được hội nghị thành lập nhất trí thông qua.

4. Phương án hoạt động 3 năm đầu. Phương án phải thể hiện được sự cần thiết thành lập Quỹ tín dụng nhân dân, nội dung, kế hoạch hoạt động 3 năm đầu, hiệu quả các hoạt động kinh doanh, dịch vụ đối với xã hội.

5. Danh sách, lý lịch, các văn bằng (bản sao có công chứng) chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn của thành viên sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc (Giám đốc).

6. Mức vốn góp, phương án góp vốn, danh sách thành viên góp vốn và bản cam kết góp vốn của các thành viên.

7. Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) được Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) chấp thuận về việc thành lập đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở; văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nơi đặt trụ sở của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) về nơi đặt trụ sở của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương.

Điều 6. Trình tự cấp giấy phép

1. Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 bộ hồ sơ xin cấp giấy phép (theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này). Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ xin cấp giấy phép của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu, thẩm tra nếu đủ

điều kiện theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này thì Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ra quyết định kèm theo giấy phép cho Quỹ tín dụng nhân dân (Mẫu số 2 và 4 đính kèm). Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải có văn bản giải thích lý do.

2. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh) 01 bộ hồ sơ xin cấp giấy phép (theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này). Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ xin cấp giấy phép của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh nghiên cứu, thẩm tra nếu đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này thì Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh ra quyết định kèm theo giấy phép cho Quỹ tín dụng nhân dân (Mẫu số 3 và 5 đính kèm). Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh phải có văn bản giải thích lý do.

Điều 7. Quyết định chuẩn y các chức danh và Điều lệ

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định chuẩn y các chức danh Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương; quyết định chuẩn y Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương (Mẫu số 6, 7 đính kèm).

2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh quyết định chuẩn y các chức danh Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở; quyết định chuẩn y Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (Mẫu số 8, 9 đính kèm).

Điều 8. Lệ phí cấp giấy phép

Quỹ tín dụng nhân dân phải nộp cho Ngân hàng Nhà nước một khoản lệ phí cấp giấy phép theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 9. Sử dụng giấy phép

1. Quỹ tín dụng nhân dân được cấp giấy phép phải sử dụng đúng tên và hoạt động đúng nội dung quy định trong giấy phép.

2. Cấm làm giả, tẩy xoá, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn giấy phép.

Điều 10. Đăng ký kinh doanh

Sau khi được cấp giấy phép, Quỹ tín dụng nhân dân phải đăng ký kinh doanh tại

cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Quỹ tín dụng nhân dân có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 11. Điều kiện hoạt động

1. Để tiến hành các hoạt động ngân hàng, Quỹ tín dụng nhân dân được cấp giấy phép phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có Điều lệ được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y;

b) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; có đủ vốn pháp định và có trụ sở phù hợp với yêu cầu hoạt động ngân hàng;

c) Phần vốn pháp định góp bằng tiền phải được gửi vào tài khoản phong tỏa không được hưởng lãi mở tại Ngân hàng Nhà nước trước khi hoạt động tối thiểu 30 ngày. Số vốn này chỉ được giải tỏa sau khi Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động;

d) Trước khi hoạt động ít nhất 10 ngày, Quỹ tín dụng nhân dân phải thông báo về những nội dung được quy định trong giấy phép:

- Đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, thông báo trên đài phát thanh cấp xã trong 03 ngày liên tiếp và đăng báo địa phương trong 03 số liên tiếp.

- Đối với Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương phải đăng báo trung ương trong 03 số liên tiếp.

2. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép, Quỹ tín dụng nhân dân được cấp giấy phép phải hoạt động.

Mục 2

MỞ, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG SỞ GIAO DỊCH, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN TRUNG ƯƠNG VÀ PHÒNG GIAO DỊCH, ĐIỂM GIAO DỊCH CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN CƠ SỞ

Điều 12. Điều kiện để mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương

Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương có thể mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện khi có đủ các điều kiện sau:

1. Có thời gian hoạt động tối thiểu là 03 năm kể từ ngày đi vào hoạt động; có nhu cầu mở rộng mạng lưới hoạt động phục vụ các Quý tín dụng nhân dân thành viên trên địa bàn dự định mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện.

2. Tình hình tài chính lành mạnh; hoạt động kinh doanh có lãi trong 02 năm gần nhất.

3. Bộ máy quản trị, điều hành và hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.

4. Hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý.

5. Không vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

Điều 13. Hồ sơ, trình tự và thủ tục mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện của Quý tín dụng nhân dân Trung ương

1. Hồ sơ:

Quý tín dụng nhân dân Trung ương gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 bộ hồ sơ mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện bao gồm:

a) Văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc người được ủy quyền) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện; trong đó phải nêu tóm tắt sự cần thiết, tên gọi, địa điểm, nội dung, phạm vi hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phải khẳng định đủ điều kiện để mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện;

b) Văn bản ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với trường hợp ủy quyền);

c) Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện;

d) Đề án mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện; trong đó nêu rõ sự cần thiết phải mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, dự kiến tổ chức bộ máy, nội dung, phạm vi hoạt động và kế hoạch hoạt động trong 03 năm đầu;

đ) Bản sao (được công chứng) báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất của Quý tín dụng nhân dân Trung ương;

e) Văn bản của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh nơi Quý tín dụng nhân dân Trung ương dự định mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện về sự cần

thiết phải mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân trung ương tại địa phương;

g) Văn bản chấp thuận cho phép đặt trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương dự định mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện.

2. Trình tự và thủ tục:

a) Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét và có văn bản chấp thuận hay không chấp thuận việc mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương; trường hợp không chấp thuận phải nói rõ lý do;

b) Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương phải hoàn tất các thủ tục cần thiết để đưa sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện vào hoạt động;

Trước khi sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện đi vào hoạt động, Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương phải đăng báo Trung ương và báo địa phương (nơi đặt trụ sở của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện) trong 03 số liên tiếp; đồng thời phải niêm yết những nội dung hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện tại trụ sở của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện.

3. Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương phải xây dựng và ban hành Quy định quản lý nội bộ về hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh phù hợp với quy mô tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương và theo quy định của pháp luật. Nội dung Quy định này phải bao gồm những nội dung cơ bản sau:

a) Thiết lập hệ thống thông tin trực tuyến giữa trụ sở chính với sở giao dịch, chi nhánh trên cơ sở đảm bảo an toàn, chính xác, hiệu quả cho các hoạt động giao dịch và cập nhật thông tin báo cáo về tình hình hoạt động của các đơn vị phụ thuộc, cũng như yêu cầu của công tác quản lý, giám sát;

b) Quy định về đảm bảo an toàn trong giao dịch, kho quỹ và điều chuyển tiền, quản lý và lưu giữ chứng từ, yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy theo quy định;

c) Quy định những nội dung cụ thể trong Quy chế kiểm soát nội bộ của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương đảm bảo yêu cầu về kiểm soát nội bộ đối với toàn bộ hoạt động của các sở giao dịch, chi nhánh;

d) Quy định về hệ thống thông tin quản lý rủi ro nhằm đảm bảo trụ sở chính của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương kiểm soát được các loại rủi ro trong hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh;

đ) Quy định chế độ quản lý tài sản Nợ - tài sản Có đối với sở giao dịch, chi nhánh;

e) Quy định chức năng, nhiệm vụ, phạm vi được ủy quyền và tiêu chuẩn đối với người điều hành, kiểm soát nội bộ tại sở giao dịch, chi nhánh;

g) Những quy định khác theo yêu cầu quản lý, giám sát của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương.

Điều 14. Chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương

1. Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 bộ hồ sơ chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện bao gồm:

a) Văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc người được ủy quyền) về việc chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện trong đó nêu rõ lý do, thực trạng hoạt động và tình hình tài chính của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện đến thời điểm xin chấm dứt hoạt động và khẳng định việc chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện không ảnh hưởng đến hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân thành viên trên địa bàn;

b) Văn bản ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với trường hợp ủy quyền);

c) Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện;

d) Phương án xử lý khi chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện;

đ) Ý kiến bằng văn bản của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh nơi có sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện về việc chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương (trừ trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện ở cùng trên địa bàn Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương đặt trụ sở chính).

2. Trình tự, thủ tục:

Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương theo quy định, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét và có văn bản chấp thuận hay không chấp thuận việc chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương; trường hợp không chấp thuận phải nói rõ lý do.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương phải tiến hành làm các thủ tục chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện. Quyết định chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện phải được gửi tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh nơi có sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và cơ quan đăng ký kinh doanh, các tổ chức, cá nhân có liên quan; đăng báo Trung ương và địa phương (nơi đặt trụ sở của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện) trong 03 số liên tiếp.

4. Sau khi chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương có trách nhiệm thanh toán cho các chủ nợ và giải quyết các tồn tại khác có liên quan theo quy định của pháp luật. Việc chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện phải bảo đảm không ảnh hưởng đến hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thành viên trên địa bàn.

Điều 15. Điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục mở phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở

1. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được mở phòng giao dịch, điểm giao dịch trên địa bàn hoạt động ghi trong giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có thời gian hoạt động tối thiểu là 03 năm kể từ ngày đi vào hoạt động;
- b) Có nhu cầu mở rộng mạng lưới hoạt động phục vụ thành viên trên địa bàn dự định mở phòng giao dịch, điểm giao dịch;
- c) Tình hình tài chính lành mạnh; hoạt động kinh doanh có lãi trong 02 năm gần nhất;

d) Bộ máy quản trị, điều hành và hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả;

đ) Hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý;

e) Không vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

2. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở gửi Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh 01 bộ hồ sơ mở phòng giao dịch, điểm giao dịch bao gồm:

a) Văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc người được ủy quyền) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc mở phòng giao dịch, điểm giao dịch; trong đó phải nêu tóm tắt sự cần thiết, tên gọi, địa điểm, dự kiến nhân sự, nội dung, phạm vi hoạt động của phòng giao dịch, điểm giao dịch;

b) Văn bản ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với trường hợp ủy quyền);

c) Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc mở phòng giao dịch, điểm giao dịch;

d) Bản sao (được công chứng) báo cáo tài chính trong 02 năm gần nhất của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

đ) Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự định mở phòng giao dịch, điểm giao dịch về địa điểm đặt trụ sở của phòng giao dịch, điểm giao dịch.

3. Trình tự và thủ tục:

a) Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh xem xét và có văn bản chấp thuận hay không chấp thuận việc mở phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở; trường hợp không chấp thuận phải nói rõ lý do;

b) Sau khi được Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh chấp thuận, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh về việc mở phòng giao dịch, điểm giao dịch và thực hiện các thủ tục khắc dấu, quản lý và sử dụng con dấu của phòng giao dịch, điểm giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Quy định về an toàn trong hoạt động:

Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải có quy định về nội dung, phạm vi hoạt động,

đảm bảo an toàn trong giao dịch, kho quỹ và điều chuyển tiền, yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy của phòng giao dịch, điểm giao dịch.

Điều 16. Hồ sơ, trình tự và thủ tục chấm dứt hoạt động phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở

1. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở gửi Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh 01 bộ hồ sơ chấm dứt hoạt động của phòng giao dịch, điểm giao dịch bao gồm:

a) Văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc người được ủy quyền) về việc chấm dứt hoạt động của phòng giao dịch, điểm giao dịch trong đó nêu rõ lý do, thực trạng hoạt động phòng giao dịch, điểm giao dịch đến thời điểm xin chấm dứt hoạt động và khẳng định việc chấm dứt hoạt động của phòng giao dịch, điểm giao dịch không ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

b) Văn bản ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với trường hợp ủy quyền);

c) Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc chấm dứt hoạt động của phòng giao dịch, điểm giao dịch;

d) Phương án giải quyết các nghĩa vụ cho các chủ nợ và các tồn tại khác có liên quan khi chấm dứt hoạt động của phòng giao dịch, điểm giao dịch.

2. Trình tự, thủ tục:

Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động của phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở theo quy định, Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh xem xét và có văn bản chấp thuận hay không chấp thuận việc chấm dứt hoạt động của phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở; trường hợp không chấp thuận phải nói rõ lý do.

3. Thông báo quyết định chấm dứt hoạt động:

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh, Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải ra quyết định chấm dứt hoạt động của phòng giao dịch, điểm giao dịch; Quyết định này phải được gửi tới Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh, cơ quan đăng ký kinh doanh và thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở đóng trụ sở chính và phòng giao dịch, điểm giao dịch.

Mục 3

CHIA, TÁCH, HỢP NHẤT, SÁP NHẬP QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN CƠ SỞ

Điều 17. Điều kiện, trình tự, thủ tục chia Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở

1. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được chia phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có phương án chia khả thi;

b) Được Đại hội thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở nhất trí chia và cam kết cùng chịu trách nhiệm giải quyết các tồn tại cũ;

c) Có văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã và được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận về việc chia Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

2. Trình tự, thủ tục chia Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở:

a) Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được chia phải thành lập Hội đồng để giải quyết việc chia Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Hội đồng gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được chia và những người đại diện của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở mới dự định hình thành sau khi chia. Hội đồng có nhiệm vụ bàn bạc để thống nhất giải quyết các vấn đề liên quan đến việc chia Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở; dự kiến bộ máy quản lý, điều hành và kiểm soát của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở mới sau khi chia và phải tiến hành thực hiện các công việc sau:

- Xây dựng phương án xử lý về tổ chức, nhân sự, tài sản, vốn, quỹ của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (bao gồm cả trụ sở chính và phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở) được chia; xây dựng phương án hoạt động, dự thảo Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở mới để trình Đại hội thành viên quyết định; các quyền, lợi ích, trách nhiệm và nghĩa vụ của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở mới;

- Triệu tập Đại hội thành viên để quyết định phương án xử lý về tổ chức, nhân sự, tài sản, vốn, quỹ của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được chia;

- Thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân (có quan hệ kinh tế với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được chia), Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam về quyết định chia và phương thức giải quyết các vấn đề kinh tế có liên quan đến họ;

- Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận việc chia Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

b) Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được chia phải hoàn thiện hồ sơ thu hồi giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Quy chế này để trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh; đồng thời thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, con dấu của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được chia theo quy định của pháp luật;

c) Sáng lập viên của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở mới tiến hành chuẩn bị và tổ chức Hội nghị thành lập theo quy định và hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy phép cho Quỹ tín dụng nhân dân mới theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này để trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh xem xét cấp giấy phép theo quy định; đồng thời thực hiện các thủ tục về đăng ký kinh doanh, khắc dấu đối với Quỹ tín dụng nhân dân mới theo quy định của pháp luật;

d) Sau khi Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh thu hồi giấy phép của Quỹ tín dụng nhân dân được chia và cấp giấy phép cho Quỹ tín dụng nhân dân mới, Hội đồng chia Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có trách nhiệm gửi các hồ sơ, chứng từ của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được chia liên quan đến các Quỹ tín dụng nhân dân mới để lưu giữ.

Điều 18. Điều kiện, trình tự, thủ tục tách Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở

1. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị tách phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Có phương án tách khả thi;
- b) Được Đại hội thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị tách nhất trí tách và cam kết cùng chịu trách nhiệm giải quyết các tồn tại cũ;
- c) Có văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã và được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận về việc tách Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

2. Trình tự, thủ tục tách Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở:

- a) Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị tách phải thành lập Hội đồng để giải quyết việc tách Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Hội đồng gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân bị tách và đại diện các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở mới dự định hình thành sau khi tách. Hội đồng có nhiệm vụ bàn bạc để thống nhất giải quyết các vấn đề liên quan đến việc tách Quỹ

tín dụng nhân dân cơ sở; dự kiến hình thành bộ máy quản lý, điều hành và kiểm soát của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở mới sau khi tách và phải tiến hành thực hiện các công việc sau:

- Xây dựng phương án xử lý về tổ chức, nhân sự, tài sản, vốn, quỹ của Quỹ tín dụng nhân dân bị tách (bao gồm cả trụ sở chính và phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở - nếu có); xây dựng phương án hoạt động, dự thảo Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở mới; các quyền, lợi ích, trách nhiệm và nghĩa vụ của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở mới sau khi tách;

- Triệu tập Đại hội thành viên để quyết định phương án xử lý về tổ chức, nhân sự, tài sản, vốn, quỹ của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị tách;

- Thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị tách, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam về quyết định tách và giải quyết các vấn đề kinh tế có liên quan đến các đối tượng nói trên;

- Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận việc tách Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

b) Sáng lập viên của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở mới tiến hành chuẩn bị và tổ chức Hội nghị thành lập theo quy định; hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy phép cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở mới theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này để trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh xem xét cấp giấy phép theo quy định; đồng thời thực hiện các thủ tục về đăng ký kinh doanh, khắc dấu đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở mới theo quy định của pháp luật;

c) Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị tách phải hoàn thiện hồ sơ để sửa đổi, bổ sung những nội dung thay đổi so với giấy phép và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cũ (nếu có) theo quy định của pháp luật;

d) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ sửa đổi, bổ sung những nội dung thay đổi so với giấy phép cũ theo quy định, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh ra quyết định sửa đổi, bổ sung những nội dung thay đổi so với giấy phép cũ (Mẫu số 11 đính kèm) và chuẩn y các vấn đề liên quan (nếu có thay đổi) theo quy định đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị tách;

đ) Quỹ tín dụng nhân dân bị tách có trách nhiệm lưu trữ toàn bộ hồ sơ, chứng từ (bản gốc) liên quan đến hoạt động và các hồ sơ liên quan đến quá trình tách của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

Điều 19. Điều kiện, trình tự, thủ tục hợp nhất Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở

1. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được hợp nhất phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có phương án hợp nhất khả thi;

b) Được Đại hội thành viên của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được hợp nhất nhất trí chấp thuận và cam kết cùng chịu trách nhiệm giải quyết các tồn tại cũ;

c) Có văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã và được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận về việc hợp nhất Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

2. Trình tự, thủ tục hợp nhất Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở:

a) Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được hợp nhất sau khi bàn bạc thống nhất về chủ trương hợp nhất, phải cùng nhau thành lập Hội đồng hợp nhất bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được hợp nhất. Hội đồng hợp nhất phải thực hiện các công việc sau:

- Dự kiến tên, trụ sở của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở mới;

- Xây dựng phương án hợp nhất. Phương án phải thể hiện được thực trạng tổ chức và hoạt động của từng Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được hợp nhất, sự cần thiết của việc hợp nhất; các giải pháp, cách thức tiến hành, thời gian dự kiến thực hiện việc hợp nhất; trách nhiệm, quyền lợi của các bên liên quan khi hợp nhất; biện pháp xử lý tài sản, vốn, các khoản nợ, tổ chức, nhân sự và những vấn đề tồn đọng của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được hợp nhất sang Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở hợp nhất;

- Dự thảo phương án hoạt động và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở hợp nhất;

- Tổ chức Đại hội thành viên để quyết định việc hợp nhất và thông qua phương án hợp nhất, phương án hoạt động, Điều lệ, tên và trụ sở của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở hợp nhất;

- Thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được hợp nhất, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam về quyết định hợp nhất và phương thức giải quyết các mối quan hệ kinh tế có liên quan đến họ;

- Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận việc hợp nhất Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

b) Hội đồng quản trị các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được hợp nhất phải hoàn thiện hồ sơ thu hồi giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 25 của Quy chế này để trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh; đồng thời thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, con dấu của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được hợp nhất theo quy định của pháp luật;

c) Hội đồng hợp nhất phải hoàn thiện hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở hợp nhất theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này để trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh xem xét cấp giấy phép theo quy định; đồng thời thực hiện các thủ tục về đăng ký kinh doanh, khắc dấu đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở hợp nhất theo quy định của pháp luật;

d) Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở hợp nhất có trách nhiệm lưu trữ toàn bộ hồ sơ, chứng từ (bản gốc) liên quan trong quá trình hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được hợp nhất và các hồ sơ liên quan đến quá trình hợp nhất các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Điều kiện, trình tự, thủ tục sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở

1. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở để được sáp nhập phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có phương án sáp nhập khả thi;

b) Được Đại hội thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở sáp nhập chấp thuận sáp nhập các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở khác vào; được Đại hội thành viên của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được sáp nhập nhất trí chấp thuận và cam kết cùng chịu trách nhiệm giải quyết các tồn tại cũ;

c) Có văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã và được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận về việc sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

2. Trình tự, thủ tục sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở:

a) Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở sáp nhập và được sáp nhập phải cùng nhau thành lập Hội đồng sáp nhập bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, Giám đốc của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở sáp nhập và được sáp nhập. Hội đồng sáp nhập có trách nhiệm:

- Xây dựng phương án sáp nhập. Phương án phải thể hiện được thực trạng tổ chức và hoạt động của từng Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở; sự cần thiết của việc sáp nhập; các giải pháp, cách thức tiến hành, thời gian dự kiến thực hiện việc sáp nhập; trách nhiệm, quyền lợi của các bên liên quan khi sáp nhập, biện pháp xử lý tài sản, vốn, các khoản nợ, tổ chức, nhân sự và những vấn đề tồn đọng của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được sáp nhập;

- Dự thảo phương án hoạt động và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở sáp nhập.

- Tổ chức Đại hội thành viên bao gồm thành viên của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở sáp nhập và được sáp nhập để thông qua phương án sáp nhập, phương án hoạt động và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở sáp nhập, quyết định việc sáp nhập và những vấn đề khác có liên quan;

- Thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được sáp nhập, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam về quyết định sáp nhập và phương thức giải quyết các mối quan hệ kinh tế có liên quan đến họ;

- Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận việc sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

b) Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được sáp nhập phải hoàn thiện hồ sơ thu hồi giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Quy chế này để trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh; đồng thời thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, con dấu của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được sáp nhập theo quy định của pháp luật;

c) Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở sáp nhập phải hoàn thiện hồ sơ để sửa đổi, bổ sung những nội dung thay đổi so với giấy phép và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cũ theo quy định của pháp luật;

d) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ sửa đổi, bổ sung những nội dung thay đổi so với giấy phép cũ theo quy định, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh ra quyết định sửa đổi, bổ sung những nội dung thay đổi so với giấy phép cũ (Mẫu số 11 đính kèm) và chuẩn y các vấn đề liên quan (nếu có thay đổi) theo quy định đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở sáp nhập;

đ) Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở sáp nhập có trách nhiệm lưu trữ toàn bộ hồ sơ,

chứng từ liên quan trong quá trình hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được sáp nhập và các hồ sơ liên quan đến quá trình sáp nhập các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở theo quy định của pháp luật.

Mục 4

THU HỒI GIẤY PHÉP QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN CƠ SỞ

Điều 21. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có thể bị thu hồi giấy phép khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

1. Có chứng cứ là trong hồ sơ xin cấp giấy phép có những thông tin cố ý làm sai sự thật.

2. Không có đủ các điều kiện hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Quy chế này.

3. Sau 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép mà không hoạt động.

4. Hoạt động sai mục đích đã được ghi trong Điều lệ và các nội dung hoạt động đã được ghi trong giấy phép.

5. Bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc giải thể đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở khi:

a) Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có những vi phạm pháp luật và Ngân hàng Nhà nước xét thấy không thể tiếp tục duy trì hoạt động;

b) Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở ngừng hoạt động trong mười hai tháng liền;

c) Trong thời hạn mười tám tháng liền, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở không tổ chức được Đại hội thành viên thường kỳ mà không có lý do chính đáng;

d) Khi hết hạn hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Chia, hợp nhất, sáp nhập theo Nghị quyết của Đại hội thành viên.

7. Bị phá sản.

8. Giải thể tự nguyện trong trường hợp có khả năng thanh toán hết nợ.

Điều 22. Thu hồi giấy phép trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 21 của Quy chế này (trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở chưa hoạt động)

1. Đối với các trường hợp có chứng cứ là trong hồ sơ xin cấp giấy phép của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có những thông tin cố ý làm sai sự thật, đã được cấp giấy phép nhưng chưa hoạt động, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh bộ hồ sơ thu hồi giấy phép gồm:

a) Tờ trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh của Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh về việc thu hồi giấy phép của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Nội dung tờ trình phải nêu rõ nguyên nhân phải thu hồi giấy phép của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và các biện pháp xử lý sau khi thu hồi giấy phép;

b) Kết luận thanh tra xác định rõ trong hồ sơ xin cấp giấy phép có những thông tin cố ý làm sai sự thật;

c) Những văn bản khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ thu hồi giấy phép nêu tại khoản 1 của Điều này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh ra quyết định thu hồi giấy phép đối với các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở nói trên.

Điều 23. Thu hồi giấy phép trong trường hợp quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 21 của Quy chế này

1. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị Ngân hàng Nhà nước thu hồi giấy phép khi không đủ các điều kiện hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Quy chế này hoặc sau 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép mà không hoạt động, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh bộ hồ sơ thu hồi giấy phép gồm:

a) Tờ trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh của Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh về việc thu hồi giấy phép của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Nội dung tờ trình phải nêu rõ nguyên nhân phải thu hồi giấy phép của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và các biện pháp xử lý sau khi thu hồi giấy phép;

b) Kết luận thanh tra xác định rõ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở đã được cấp giấy phép nhưng không có đủ các điều kiện hoạt động theo quy định hoặc sau 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép mà không hoạt động;

c) Những văn bản khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định,

Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh ra quyết định thu hồi giấy phép đối với các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở không đủ điều kiện hoạt động nói trên.

Điều 24. Thu hồi giấy phép trong trường hợp chia Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở

1. Hội đồng chia Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được chia phải hoàn thiện trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh bộ hồ sơ thu hồi giấy phép bao gồm:

a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được chia đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh thu hồi giấy phép. Nội dung tờ trình phải nêu rõ lý do chia, thực trạng về tổ chức, hoạt động, những vấn đề tồn tại, vướng mắc, cam kết chịu trách nhiệm trong việc xử lý những vấn đề liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, bàn giao, tiếp nhận và xử lý toàn bộ các vấn đề liên quan sau khi chia, biện pháp triển khai và thực hiện phương án được chấp thuận;

b) Nghị quyết Đại hội thành viên về việc chia Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

c) Phương án chia;

d) Văn bản đề nghị chia Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã và được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận;

đ) Những văn bản khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, nếu chấp thuận thì Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh ra quyết định thu hồi giấy phép đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được chia.

Điều 25. Thu hồi giấy phép trong trường hợp hợp nhất Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở

1. Hội đồng quản trị các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được hợp nhất phải hoàn thiện trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh bộ hồ sơ thu hồi giấy phép bao gồm:

a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được hợp nhất đề nghị được hợp nhất, đồng thời đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh thu hồi giấy phép đối với các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được hợp nhất. Nội dung tờ trình phải nêu rõ lý do hợp nhất, thực trạng về tổ chức, hoạt động, những vấn đề tồn tại, vướng mắc, cam kết chịu trách nhiệm tiếp nhận và xử lý toàn bộ các

vấn đề liên quan sau khi hợp nhất, biện pháp triển khai và thực hiện phương án được chấp thuận;

b) Nghị quyết Đại hội thành viên các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được hợp nhất;

c) Phương án hợp nhất;

d) Văn bản đề nghị hợp nhất các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã và được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận;

đ) Những văn bản khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, nếu chấp thuận thì Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh ra quyết định thu hồi giấy phép đối với các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được hợp nhất.

Điều 26. Thu hồi giấy phép trong trường hợp sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở

1. Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được sáp nhập phải hoàn thiện trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh bộ hồ sơ thu hồi giấy phép bao gồm:

a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được sáp nhập đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh thu hồi giấy phép đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được sáp nhập;

b) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở sáp nhập đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh chấp thuận cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở khác sáp nhập vào đơn vị mình và chuẩn y các vấn đề liên quan theo quy định. Nội dung tờ trình phải nêu rõ lý do sáp nhập, thực trạng về tổ chức, hoạt động, những vấn đề tồn tại, vướng mắc, cam kết chịu trách nhiệm trong việc tiếp nhận và xử lý toàn bộ các vấn đề liên quan sau khi sáp nhập, biện pháp triển khai và thực hiện phương án được chấp thuận;

c) Nghị quyết Đại hội thành viên của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được sáp nhập và Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở sáp nhập;

d) Phương án sáp nhập;

đ) Văn bản đề nghị sáp nhập các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã và được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận;

e) Những văn bản khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, nếu chấp thuận thì Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh ra quyết định thu hồi giấy phép đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được sáp nhập.

Điều 27. Thu hồi giấy phép trong trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị phá sản

1. Sau khi Ngân hàng Nhà nước đã có văn bản về việc không áp dụng hoặc chấm dứt áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân đã dùng mọi biện pháp hỗ trợ nhưng Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở đó vẫn mất khả năng thanh toán nợ đến hạn, thì có thể bị toà án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

2. Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị tuyên bố phá sản phải hoàn thiện trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh bộ hồ sơ thu hồi giấy phép bao gồm:

- a) Quyết định của toà án về việc tuyên bố phá sản Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;
- b) Những văn bản khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thu hồi giấy phép, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh ra quyết định thu hồi giấy phép đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị phá sản.

Điều 28. Thu hồi giấy phép trong trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở giải thể tự nguyện theo nghị quyết của Đại hội thành viên

Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có thể tự nguyện giải thể theo nghị quyết của Đại hội thành viên nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh chấp thuận.

1. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải gửi đơn xin giải thể và nghị quyết của Đại hội thành viên về việc giải thể đến Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh; đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận về việc giải thể Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị giải thể nêu tại khoản 1 của Điều này, Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh phải ra thông báo chấp thuận hoặc không chấp thuận việc xin giải thể tự nguyện của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở; trường hợp không chấp thuận phải nói rõ lý do.

3. Sau khi có thông báo của Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh chấp thuận giải thể, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải đăng báo địa phương nơi Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở đóng trụ sở trong ba số liên tiếp về việc xin giải thể và thời hạn thanh toán nợ, thanh lý các hợp đồng.

4. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn thanh toán nợ và thanh lý các hợp đồng, Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải hoàn thiện trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh bộ hồ sơ thu hồi giấy phép bao gồm:

a) Đơn xin giải thể tự nguyện;

b) Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc giải thể tự nguyện Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

c) Văn bản đề nghị giải thể tự nguyện Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã và được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận;

d) Các văn bản khác nếu Ngân hàng Nhà nước yêu cầu.

Cũng trong thời hạn nói trên, cùng với việc trình Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh bộ hồ sơ thu hồi giấy phép, Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải hoàn thành việc thanh toán các khoản chi phí cho việc giải thể, trả vốn góp và chi trả các khoản theo Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân cho thành viên.

5. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ thu hồi giấy phép của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh ra quyết định thu hồi giấy phép đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở giải thể tự nguyện.

Điều 29. Thu hồi giấy phép trong các trường hợp quy định tại các khoản 1 (trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở đã hoạt động), 4 và 5 Điều 21 của Quy chế này

1. Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo giải thể bắt buộc đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Hồ sơ đề nghị giải thể bắt buộc đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở gồm:

- Tờ trình của Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh nêu rõ thực trạng hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, kiến nghị, đề xuất biện pháp xử lý đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

- Kết luận thanh tra xác định những vi phạm (nếu có) của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

2. Sau khi có thông báo giải thể bắt buộc đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh căn cứ hồ sơ thu hồi giấy phép theo quy định dưới đây để ra quyết định thu hồi giấy phép đối với các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở nói trên. Bộ hồ sơ thu hồi giấy phép bao gồm:

a) Tờ trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh của Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh về việc thu hồi giấy phép của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Nội dung tờ trình phải nêu rõ nguyên nhân phải thu hồi giấy phép của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và các biện pháp xử lý sau khi thu hồi giấy phép;

b) Kết luận thanh tra xác định các vi phạm (nếu có) của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

c) Thông báo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc giải thể bắt buộc đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

d) Những văn bản khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 30. Quyết định thu hồi giấy phép (Mẫu số 10 đính kèm)

1. Nội dung chính của quyết định:

a) Tên và địa chỉ của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

b) Lý do thu hồi giấy phép;

c) Hiệu lực của quyết định;

d) Các công việc phải xử lý sau khi thu hồi giấy phép;

đ) Giám sát thanh lý và trách nhiệm, quyền hạn của Tổ giám sát thanh lý của Ngân hàng Nhà nước tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

2. Nơi gửi quyết định thu hồi giấy phép của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở:

a) Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị thu hồi giấy phép;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh nơi có Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị thu hồi giấy phép;

c) Cơ quan đăng ký kinh doanh và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

3. Thông báo quyết định thu hồi giấy phép:

Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh ký quyết định thu hồi giấy phép Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo quyết định tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, đài phát thanh cấp xã nơi Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở đóng trụ sở chính.

Điều 31. Trách nhiệm của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị thu hồi giấy phép

1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bộ máy điều hành phải tự kiểm tra, báo cáo và đề xuất các giải pháp xử lý các vấn đề liên quan đến việc thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở gửi Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh.

2. Phải có cam kết bằng văn bản chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến quá trình thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, trong việc thu hồi nợ, xử lý các tồn tại của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và các cán bộ, nhân viên trực tiếp làm việc tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở chịu trách nhiệm thực hiện thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (trường hợp thanh lý nêu tại các Điều 33 và 34 của Quy chế này) hoặc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở do Hội đồng thanh lý giao (trường hợp thanh lý nêu tại Điều 32 của Quy chế này); đồng thời phải chịu trách nhiệm bồi thường vật chất hoặc có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về những tổn thất gây ra cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở trong quá trình hoạt động và thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, những người nói trên không được hưởng lương hoặc thù lao công vụ như khi Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở còn đang hoạt động.

3. Kể từ thời điểm thông báo chấp thuận giải thể tự nguyện (trường hợp giải thể tự nguyện) hoặc quyết định thu hồi giấy phép (đối với các trường hợp còn lại) của Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh có hiệu lực, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải:

a) Chấm dứt ngay hoạt động huy động vốn và cho vay; ngừng tính lãi, trả lãi đối với các khoản nợ phải trả, phải thu;

b) Ngừng toàn bộ việc chuyển nhượng vốn góp của thành viên;

c) Kiểm kê toàn bộ số ấn chỉ quan trọng chưa sử dụng (sổ tiền gửi, séc...), thẻ thành viên nộp về Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh;

d) Thực hiện việc thanh lý theo quy định của pháp luật.

Mục 5

THANH LÝ QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN CƠ SỞ

Điều 32. Thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở trong các trường hợp bị thu hồi giấy phép nêu tại các khoản 1 (trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở đã hoạt động), 4 và 5 Điều 21 của Quy chế này

1. Hội đồng thanh lý:

a) Sau khi ra thông báo giải thể bắt buộc đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thành lập Hội đồng thanh lý và chỉ định Chủ tịch Hội đồng thanh lý để tổ chức việc giải thể Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Quyết định thành lập Hội đồng thanh lý phải có các nội dung:

- Họ tên, địa chỉ các thành viên của Hội đồng thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

- Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng thanh lý;

- Thời hạn thanh lý;

- Vai trò giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

b) Thành phần Hội đồng thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bao gồm:

- Đại diện của chính quyền địa phương (đại diện tham gia Hội đồng thanh lý có thể bao gồm đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã và đại diện Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc đại diện của một trong hai cơ quan nói trên tùy theo thực tế trong từng trường hợp cụ thể tại địa phương);

- Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, người điều hành và đại diện (một hoặc một số) thành viên được lựa chọn trong số thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

- Đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương (trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở còn nợ vay Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương);

- Đại diện của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (trường hợp Bảo hiểm tiền gửi Việt

Nam có thực hiện việc chi trả tiền bảo hiểm hoặc hỗ trợ tài chính cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở);

- Đại diện của các cơ quan có liên quan (nếu xét thấy cần thiết).

Đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương hoặc đại diện của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có thể được chỉ định là Chủ tịch Hội đồng thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (nếu xét thấy cần thiết).

c) Hội đồng thanh lý có trách nhiệm:

- Lập danh sách và số tiền (gốc, lãi) của các chủ nợ, khách nợ đến thời điểm quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực và danh mục các tài sản của Quỹ tín dụng nhân dân để xử lý bao gồm:

+ Tiền gửi của cá nhân, tổ chức kinh tế;

+ Các khoản cho vay;

+ Tài sản cố định, tài sản đi thuê, đi mượn hoặc cho thuê, cho mượn;

+ Tồn quỹ tiền mặt, kim loại quý, đá quý, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá;

+ Các khoản vốn góp tại Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương;

+ Các khoản phải thu, phải trả khác;

+ Các tài sản khác.

- Xây dựng kế hoạch thanh lý và báo cáo Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh;

- Triển khai kế hoạch thanh lý sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận; tìm mọi biện pháp thu hồi nợ (trường hợp khách hàng không có đủ số tiền để trả nợ Quỹ tín dụng nhân dân cả gốc và lãi thì Hội đồng thanh lý có thể thu nợ gốc trước và tận thu lãi khi khách hàng có tiền) và tài sản của Quỹ tín dụng nhân dân để thanh toán cho các chủ nợ. Tổ chức thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành. Mọi khoản thu của Quỹ tín dụng nhân dân phải được sử dụng để thanh toán cho các chủ nợ theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 3 của Điều này.

- Tuân thủ sự giám sát, chỉ đạo của Tổ giám sát thanh lý của Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh.

- Hàng tháng, Hội đồng thanh lý phải báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và

Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh về tình hình và kết quả thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

d) Hội đồng thanh lý có quyền hạn:

- Hội đồng thanh lý hoạt động theo quyết định thành lập của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thanh lý phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực thi nhiệm vụ của mình.

- Hội đồng thanh lý được sử dụng con dấu và ấn chỉ thông thường của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở trong quá trình thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thanh lý, Hội đồng thanh lý được quyền sử dụng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, bộ máy điều hành và các nhân viên chuyên môn nghiệp vụ của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở để thực hiện các công việc thanh lý.

đ) Chủ tịch Hội đồng thanh lý có quyền hạn:

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Hội đồng thanh lý và ký tên trên các văn bản, chứng từ, báo cáo liên quan trong quá trình thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

- Chủ tịch Hội đồng thanh lý có quyền yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan tại địa phương hỗ trợ trong việc thu hồi nợ và được quyền khởi kiện trước pháp luật những tổ chức, cá nhân cố tình chây ỳ trong việc trả nợ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

2. Thời hạn thanh lý:

a) Thời hạn thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực;

b) Trường hợp phải kéo dài quá thời hạn thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thì Hội đồng thanh lý phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh và có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho gia hạn thanh lý. Việc gia hạn thanh lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Thời gian gia hạn từng lần không quá 06 tháng.

3. Thứ tự ưu tiên thanh toán cho các chủ nợ:

a) Các khoản lệ phí, chi phí cho việc giải thể Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

b) Các khoản tiền của Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt nhằm hỗ trợ chi trả tiền gửi (nếu có);

c) Các khoản tiền gửi của khách hàng; các khoản chi trả tiền bảo hiểm của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;

d) Các khoản tiền vay của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương, vay của các tổ chức, cá nhân khác (ngoài các khoản quy định tại điểm b của khoản này);

đ) Các khoản nợ thuế (nếu có);

e) Việc trả vốn góp cho thành viên (theo khả năng tài chính hiện có và đảm bảo công bằng bình đẳng giữa các thành viên) và giải quyết các quyền lợi khác của thành viên chỉ được thực hiện sau khi đã giải quyết xong các nghĩa vụ đối với các chủ nợ.

4. Kết thúc thanh lý:

a) Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở kết thúc thanh lý trong các trường hợp sau:

- Đã thanh toán hết các khoản nợ.
- Hết thời hạn thanh lý theo quy định (kể cả thời gian gia hạn nếu có).
- Không có khả năng thanh toán đủ cho các chủ nợ.

b) Khi kết thúc thanh lý, Hội đồng thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải có báo cáo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh đề nghị cho kết thúc thanh lý trong các trường hợp sau:

- Trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở đã xử lý xong các khoản nợ và tài sản, Hội đồng thanh lý phải có báo cáo bằng văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định giải thể bắt buộc đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và làm thủ tục chấm dứt tư cách pháp nhân của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

- Trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở đã xử lý xong các khoản nợ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 3 của Điều này, Hội đồng thanh lý phải có báo cáo bằng văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép bàn giao số nợ còn phải thu cho Ủy ban nhân dân cấp xã và các sáng lập viên để tiếp tục thu hồi nợ trả vốn góp cho thành viên, chia cho thành viên theo công sức đóng góp trong quá trình xây dựng Quỹ tín dụng nhân dân (nếu còn) và ra quyết định giải thể bắt buộc đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Hội đồng thanh lý có trách nhiệm làm thủ tục chấm dứt tư cách pháp nhân của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và nộp con dấu của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Trong quá trình thực hiện thanh lý hoặc khi hết thời hạn thanh lý theo quy định (kể cả thời gian gia hạn nếu có), nếu Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở không có khả năng thanh toán đủ cho các chủ nợ, Hội đồng thanh lý có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh đề nghị cho kết thúc thanh lý để tiến hành thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản và các quy định pháp luật khác có liên quan.

c) Sau khi kết thúc thanh lý, Hội đồng thanh lý có trách nhiệm bàn giao cho Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh toàn bộ hồ sơ, chứng từ liên quan trong quá trình hoạt động và thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở để lưu trữ và toàn bộ số ấn chỉ chưa sử dụng; trừ các hồ sơ, chứng từ liên quan đến các khoản nợ chưa được xử lý thì bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã để tiếp tục theo dõi và xử lý;

d) Hội đồng thanh lý phải chuyển giao cho chính quyền địa phương các tài sản không được chia (vốn do Nhà nước trợ cấp, công trình công cộng, kết cấu hạ tầng phục vụ chung cho cộng đồng dân cư) để quản lý và sử dụng chung cho cộng đồng dân cư.

Điều 33. Thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở giải thể tự nguyện

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán nợ và thanh lý các hợp đồng, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải thực hiện và hoàn thành việc thanh lý dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh. Việc xử lý vốn, tài sản của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở không được chia cho thành viên vốn và tài sản chung do Nhà nước trợ cấp (vốn do Nhà nước trợ cấp, công trình công cộng, kết cấu hạ tầng phục vụ chung cho cộng đồng dân cư) mà phải chuyển giao cho chính quyền địa phương quản lý.

Đối với vốn và tài sản chung của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được hình thành từ các nguồn vốn và công sức của thành viên, quà biếu, tặng của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước thì do Đại hội thành viên quyết định.

b) Đối với đất do Nhà nước giao cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở sử dụng được xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Sau khi thanh toán hết các khoản nợ và các chi phí cho việc giải thể Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, việc xử lý tài sản, vốn, quỹ khác còn lại của Quỹ tín dụng

nhân dân cơ sở được thực hiện theo quy định tại khoản 1 của Điều này, các quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

3. Sau khi hoàn tất việc giải thể, Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ, ấn chỉ chưa sử dụng và chứng từ liên quan trong quá trình hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở cho Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh lưu trữ.

Điều 34. Thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở trong các trường hợp thu hồi giấy phép nêu tại các khoản 1 (trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở chưa hoạt động), 2 và 3 Điều 21 của Quy chế này

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực, Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có trách nhiệm giải quyết thanh toán tiền cho những người góp vốn sau khi thanh toán các chi phí có liên quan đến việc thành lập Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh. Việc xử lý vốn, tài sản của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở không được chia cho thành viên vốn và tài sản chung do Nhà nước trợ cấp (vốn do Nhà nước trợ cấp, công trình công cộng, kết cấu hạ tầng phục vụ chung cho cộng đồng dân cư) mà phải chuyển giao cho chính quyền địa phương quản lý;

b) Đối với đất do Nhà nước giao cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở sử dụng được xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Sau khi thanh toán các chi phí có liên quan đến việc thành lập Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và trả lại vốn góp cho những người góp vốn, Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có trách nhiệm bàn giao cho Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh toàn bộ hồ sơ, chứng từ liên quan trong quá trình thành lập Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở để lưu trữ.

Điều 35. Thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị phá sản

Trình tự, thủ tục thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị phá sản thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 36. Chi phí thanh lý

Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý do Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở chịu.

Các khoản chi phí thanh lý phải có hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật, phù hợp với kết quả thu hồi nợ do Chủ tịch Hội đồng thanh lý (trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thanh lý theo quy định tại Điều 32 của Quy chế này), Hội đồng quản trị (trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thanh lý theo quy định tại Điều 33 và 34 của Quy chế này) quyết định. Chi phí thanh lý bao gồm:

1. Chi phí cho việc thu hồi nợ: Đối với khoản nợ khó đòi thu hồi được, Hội đồng thanh lý được để lại một phần để chi cho các tổ chức có tư cách pháp nhân và các thành viên Hội đồng thanh lý có đóng góp tích cực trong việc thu hồi nợ theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Các chi phí hợp lý khác phát sinh trong quá trình thanh lý.

Mục 6

GIÁM SÁT VIỆC THANH LÝ QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN CƠ SỞ

Điều 37. Tổ giám sát thanh lý

1. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh quyết định việc thành lập Tổ giám sát thanh lý để giám sát việc thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở trên địa bàn; chỉ định Tổ trưởng và các thành viên của Tổ giám sát thanh lý, đồng thời quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng và các thành viên của Tổ giám sát thanh lý. Thành viên tham gia Tổ giám sát thanh lý tối thiểu phải có 03 người.

2. Tổ trưởng và các thành viên Tổ giám sát thanh lý chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh về việc thực thi nhiệm vụ của mình.

Điều 38. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Tổ giám sát thanh lý

1. Phải là cán bộ của Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh có trình độ, kinh nghiệm về công tác chuyên môn ngân hàng và am hiểu về nghiệp vụ Quỹ tín dụng nhân dân.

2. Không phải là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị thanh lý.

3. Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý, ngoài những tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này, phải là lãnh đạo các phòng nghiệp vụ có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh.

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-36695207
LAWSoft

Điều 39. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ giám sát thanh lý

1. Chỉ đạo Hội đồng thanh lý (trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thanh lý theo quy định tại Điều 32 của Quy chế này), Hội đồng quản trị (trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thanh lý theo quy định tại Điều 33 và 34 của Quy chế này) xây dựng kế hoạch thanh lý theo quy định để trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh chấp thuận.

2. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương chỉ đạo, giám sát Hội đồng thanh lý (trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thanh lý theo quy định tại Điều 32 của Quy chế này), Hội đồng quản trị (trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thanh lý theo quy định tại Điều 33 và 34 của Quy chế này) kiểm kê toàn bộ tài sản hiện có của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

3. Yêu cầu Hội đồng thanh lý (trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thanh lý theo quy định tại Điều 32 của Quy chế này), Hội đồng quản trị (trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thanh lý theo quy định tại Điều 33 và 34 của Quy chế này) báo cáo, cung cấp tài liệu, thông tin về thực trạng tổ chức và tài chính, về diễn biến tình hình của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở tại thời điểm bị thu hồi giấy phép và những vấn đề phát sinh trong quá trình thanh lý.

4. Chỉ đạo, giám sát toàn bộ quá trình thanh lý của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị thu hồi giấy phép.

5. Định kỳ hàng tháng báo cáo Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về diễn biến quá trình thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Trường hợp cần thiết tham mưu cho Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh có văn bản đề nghị các cơ quan có liên quan hỗ trợ Hội đồng thanh lý trong việc thu hồi vốn và tài sản, xử lý các khách hàng cố tình dây dưa, chây ì làm thất thoát tài sản của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

6. Tham mưu cho Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyết định tạm đình chỉ hoạt động của những thành viên Hội đồng thanh lý cố ý vi phạm pháp luật hoặc không thực hiện theo kế hoạch thanh lý hoặc có hành vi tẩu tán tài sản, từ chối thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ; trường hợp nghiêm trọng, có văn bản yêu cầu các cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý các cá nhân sai phạm.

7. Kiến nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

xử lý đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở khi kết thúc thanh lý trong những trường hợp nêu tại khoản 4 Điều 32 của Quy chế này.

8. Giám sát việc thực hiện các thủ tục pháp lý khi kết thúc thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

9. Tổ giám sát thanh lý chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Điều 40. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh

1. Xem xét và quyết định cấp, thu hồi giấy phép; chấp thuận mở, chấm dứt hoạt động phòng giao dịch, điểm giao dịch và việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở trên địa bàn.

2. Cử cán bộ giám sát việc thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

3. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, xử lý các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền.

Điều 41. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Thanh tra Ngân hàng:

Hướng dẫn, chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh thanh tra, kiểm tra và kiến nghị thu hồi giấy phép Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở trên địa bàn.

2. Vụ Các tổ chức tín dụng hợp tác:

a) Có trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định cấp giấy phép và chấp thuận việc mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương;

b) Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý những vấn đề vướng mắc liên quan đến việc cấp, thu hồi giấy phép; việc mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân; việc thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

3. Các đơn vị khác có trách nhiệm xem xét, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước những vấn đề liên quan đến việc cấp, thu hồi giấy phép, thanh lý và giám sát thanh lý, mở chấm dứt hoạt động phòng giao dịch, điểm giao dịch Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở; việc cấp giấy phép, mở, chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Hiệu lực giấy phép của các Quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động

Các Quỹ tín dụng nhân dân đã được cấp giấy phép hiện đang hoạt động không phải làm thủ tục xin cấp lại giấy phép mới. Nếu có sự thay đổi về các nội dung ghi trong giấy phép đã được cấp thì đề nghị Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung các nội dung ghi trong giấy phép theo quy định của pháp luật (Mẫu số 1/ĐK-CT/2006/NTU đính kèm)./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Trần Minh Tuấn

0695207

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mẫu số 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Kính gửi:

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị thành lập ngày tháng năm và Điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân đã được Hội nghị thông qua ngày tháng năm

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xét cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho Quỹ tín dụng nhân dân:

1. Tên của Quỹ tín dụng nhân dân
2. Trụ sở chính tại:
- Trụ sở của các chi nhánh, văn phòng đại diện, sở giao dịch, phòng giao dịch, điểm giao dịch tại
3. Địa bàn hoạt động:
4. Nội dung hoạt động:
5. Thời hạn hoạt động:
6. Vốn điều lệ đăng ký:

Sau khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, chúng tôi sẽ thực hiện đầy đủ các điều kiện, tiến hành thủ tục đăng ký kinh doanh, khai trương hoạt động theo quy định.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước và Điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân.

Hồ sơ gửi kèm:

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Mẫu số 2

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp giấy phép thành lập và hoạt động của
Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương**

THÔNG ĐỌC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15/6/2004;

Căn cứ Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân và Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày 26/5/2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP;

Xét hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các tổ chức tín dụng hợp tác,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép thành lập và hoạt động số...../NH-GP ngày.... tháng.... năm..... cho Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm.....

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Các tổ chức tín dụng hợp tác, Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

THÔNG ĐỌC

Mẫu số 3

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH
TỈNH, THÀNH PHỐ.....
Số:/QĐ-

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy phép thành lập và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân
cơ sở

GIÁM ĐỐC NHNN CHI NHÁNH TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997
và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số
10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày
15/6/2004;

Căn cứ Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 của Chính phủ về tổ chức
và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân và Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày
26/5/2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số...../..... /QĐ-NHNN ngày.... tháng.... năm của Thống
đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và
hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi
nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng
nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý Quỹ tín
dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước;

Xét hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân
cơ sở

Xét đề nghị của Trưởng phòng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép thành lập và hoạt động số...../NH-GP ngày..... tháng..... năm..... cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm.....

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng....., Trưởng các phòng, ban có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố....., Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

09695207

Mẫu số 4

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GP-NHNN

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15/6/2004;

Căn cứ Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân và Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày 26/5/2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP;

Xét hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương,

Nay cấp:

GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN TRUNG ƯƠNG

1. Tên: Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương

2. Trụ sở tại:

.....

3. Vốn điều lệ đăng ký:

.....

4. Nội dung hoạt động:

.....

5. Địa bàn hoạt động:

.....

6. Thời hạn hoạt động:

.....

THỐNG ĐỐC

Mẫu số 5

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH
TỈNH, THÀNH PHỐ.....
Số:/GP-NHNN

....., ngày tháng năm

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15/6/2004;

Căn cứ Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân và Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày 26/5/2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP;

Xét hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở
.....

Nay cấp:

**GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN CƠ SỞ**

1. Tên: Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.....
2. Trụ sở tại:
3. Vốn điều lệ đăng ký:.....
4. Nội dung hoạt động:
-
5. Địa bàn hoạt động:.....
6. Thời hạn hoạt động:.....

GIÁM ĐỐC

Mẫu số 6

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày..... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc chuẩn y Điều lệ của QTDND Trung ương****THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15/6/2004;

Căn cứ Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân và Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày 26/5/2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP;

- Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuẩn y Điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương. Điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương gồm chương và điều.

Điều 2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương phải chấp hành đúng các điều khoản được quy định trong Điều lệ này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Các tổ chức tín dụng hợp tác, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:**THÔNG ĐỐC**

Mẫu số 7

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày..... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chuẩn y danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát,
Tổng giám đốc của QTDND Trung ương**

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15/6/2004;

Căn cứ Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân và Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày 26/5/2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuẩn y danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương như sau:

1. - Chủ tịch Hội đồng quản trị

2. -

.....

Điều 2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương có tên tại Điều 1 trên đây có trách nhiệm tuân thủ Luật Các tổ

chức tín dụng, Luật hợp tác xã; các quy định, thể lệ chế độ nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước ban hành và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Các tổ chức tín dụng hợp tác, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương có tên tại Điều 1 trên đây có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

THÔNG ĐỌC

Mẫu số 8

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH
TỈNH, THÀNH PHỐ.....
Số:/QĐ-

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuẩn y Điều lệ của QTDND cơ sở.....

GIÁM ĐỐC NHNN CHI NHÁNH TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15/6/2004;

Căn cứ Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân và Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày 26/5/2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số...../..... /QĐ-NHNN ngày.... tháng.... năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuẩn y Điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở
Điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở gồm chương và điều.

Điều 2. Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban kiểm soát Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải chấp hành đúng các điều khoản được quy định trong Điều lệ này.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng, Trưởng các phòng, ban có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

Mẫu số 9

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH
TỈNH, THÀNH PHỐ.....
Số:/QĐ-

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chuẩn y danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát,
Giám đốc của QTDND cơ sở.....**

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15/6/2004;

Căn cứ Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân và Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày 26/5/2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số...../..... /QĐ-NHNN ngày.... tháng..... năm..... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuẩn y danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở như sau:

1. - Chủ tịch Hội đồng quản trị

2. -

.....-

Điều 2. Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban kiểm soát Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở..... có tên tại Điều 1 trên đây có trách nhiệm tuân thủ Luật Các tổ chức tín dụng, Luật hợp tác xã; các quy định, thể lệ chế độ nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước ban hành và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng, Trưởng các phòng, ban có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có tên tại Điều 1 trên đây có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

Mẫu số 10

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH
TỈNH, THÀNH PHỐ.....
Số:/QĐ-

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của
Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở

GIÁM ĐỐC NHNN CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15/6/2004;

Căn cứ Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân và Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày 26/5/2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP

Căn cứ Quyết định số...../..... /QĐ-NHNN ngày.... tháng.... năm..... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động số...../NH-GP ngày.... tháng.... năm.... của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.....

Lý do thu hồi giấy phép.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày

Điều 3. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở..... tiến hành thanh lý dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước theo các quy định của pháp luật trong thời hạn..... kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 4. Các ông (bà) Chánh Thanh tra Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, Trưởng phòng....., Trưởng các phòng, ban có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố....., Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

Mẫu số 11

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH , ngày tháng năm
TỈNH, THÀNH PHỐ.....
Số:/QĐ-

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của
Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở**

GIÁM ĐỐC NHNN CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15/6/2004;

Căn cứ Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân và Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày 26/5/2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số...../...../QĐ-NHNN ngày..... tháng..... năm..... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ giấy phép thành lập và hoạt động số..... ngày..... tháng..... năm..... của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở

Xét hồ sơ xin sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở

Xét đề nghị của Trưởng phòng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động số/NH-GP ngày..... tháng..... năm..... cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở

Nội dung sửa đổi, bổ sung:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm.....

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng....., Trưởng các phòng, ban có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố....., Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC